

## ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP 12 – MÔN NGỮ VĂN

### CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT

**Câu I. (2,0 điểm):** *Tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam và tác giả, tác phẩm văn học nước ngoài.*

#### VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX
2. *Tuyên ngôn Độc lập* - Hồ Chí Minh
3. *-Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*
4. *Tây Tiến* – Quang Dũng
5. *- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* Phạm Văn Đồng
6. *Việt Bắc* (trích) - Tố Hữu
7. *Đất Nước* (trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*) - Nguyễn Khoa Điềm
8. *Sóng* – Xuân Quỳnh
9. *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
10. *Người lái đò Sông Đà* (trích) - Nguyễn Tuân
11. *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (trích) - Hoàng Phủ Ngọc Tường
12. *Vợ nhặt* – Kim Lân
13. *Vợ chồng A Phủ* (trích) - Tô Hoài
14. *Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành
15. *Những đứa con trong gia đình* (trích) - Nguyễn Thi
16. *Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu
17. *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ
18. *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* - Trần Đình Hượu.

#### VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

1. *Thuốc* - Lỗ Tấn
2. *Số phận con người* (trích) – Sô-lô-khốp
3. *Ông già và biển cả* (trích) – Hê-minh-uê.

**Câu II. (3,0 điểm):** *Vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội ngắn (không quá 400 từ).*

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**Câu III. (5,0 điểm).** *Vận dụng khả năng đọc - hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học.*

*Thí sinh học chương trình nào thì chỉ được làm câu dành riêng cho chương trình đó.*

1. Khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX
2. *Tuyên ngôn Độc lập* - Hồ Chí Minh
3. *-Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*
4. *Tây Tiến* – Quang Dũng

5. - Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc Phạm Văn Đồng -- Việt Bắc (trích) - Tố Hữu
  6. Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng) - Nguyễn Khoa Điềm
  7. Sóng – Xuân Quỳnh
  8. Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo
  9. Người lái đò Sông Đà (trích) - Nguyễn Tuân
  10. Ai đã đặt tên cho dòng sông? (trích) - Hoàng Phủ Ngọc Tường
  11. Vợ nhặt – Kim Lân
  12. Vợ chồng A Phủ (trích) - Tô Hoài
  13. Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành
  14. Những đứa con trong gia đình (trích) - Nguyễn Thi
  15. Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu
  16. Hòn Trơng Ba, da hàng thịt (trích) – Lữ Quang Vũ
- (Nguồn từ “Cấu trúc đề thi TN THPT của Bộ giáo dục & Đào tạo”)

## **PHẦN VĂN HỌC VĂN HỌC VIỆT NAM HỌC KỲ I**

### **Bài 1. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG 8-1945**

#### **ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

#### **A. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG 8-1945 ĐẾN 1975**

##### **1. Hoàn cảnh lịch sử**

- CMT8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, nền văn nghệ phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng nên thống nhất về tư tưởng và khuynh hướng sáng tác, hình thành nhà văn kiểu mới – nhà văn chiến sĩ.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ kéo dài 30 năm

+ 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi bằng chiến thắng Điện Biên Phủ.

+ 7.1954 đất nước bị chia cắt làm 2 miền, hai nhiệm vụ chiến lược: vừa sản xuất, vừa chiến đấu, xây dựng và bảo vệ miền Bắc hậu phương, chi viện cho miền Nam tiền tuyến lớn anh hùng.

- Chiến tranh kéo dài làm cho nền kinh tế nghèo nàn và chậm phát triển., điều kiện giao văn hóa bị hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc...).

→ Hiện thực cách mạng ấy đã tạo nên sức sống mạnh mẽ và phong phú của nền Văn học Việt Nam hiện đại từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

## **2. Quá trình phát triển và các thành tựu chủ yếu:**

### ***a. Các chặng đường phát triển.***

#### Chặng đường 1945-1954:

- 1945-1946 văn học phản ánh được không khí hồ hởi, vui sướng của nhân dân khi đất nước vừa giành được độc lập.

- Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tác phẩm tiêu biểu: *Tuyên ngôn độc lập*, *Tây Tiến*, *Đôi mắt*, *Việt Bắc*...

#### Chặng đường 1955-1964:

- Nội dung( hai nội dung chính):

+ Thể hiện hình ảnh con người mới, cuộc sống mới đang thay da đổi thịt từng ngày, từng giờ trên miền Bắc XHCN.

+ Nổi đau chia cắt với miền Nam ruột thịt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.

+ Tác phẩm tiêu biểu: *“Sông Đà”* (Nguyễn Tuân); *“Gió lộng”* (Tố Hữu); *“Ánh sáng và phù sa”* (Chế Lan Viên)...

#### . Chặng đường 1965- 1975:

Chủ đề bao trùm của văn học là đề cao tinh thần yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. về cuộc kháng chiến chống Mĩ., Niềm vui mừng hạnh phúc khi đất nước hoàn toàn giải phóng.

+ Tác phẩm tiêu biểu *“Người mẹ cầm súng”* (Nguyễn Thi); *“Rừng xà nu”*(Nguyễn Trung Thành); *“Dấu chân người lính”* (Nguyễn Minh Châu)... *“Ra trận”*; *“Máu và hoa”* (Tố Hữu); *“Đầu súng trăng treo”* (Chính Hữu)...

### ***b. Những nét lớn về thành tựu***

- Đôi ngũ nhà văn ngày một đông đảo, xuất hiện nhiều thế hệ nhà văn trẻ tài năng. Nhà văn mang tâm thế: nhà văn - chiến sĩ, có sự kế thừa và phát triển liên tục.

#### - Về đề tài và nội dung sáng tác

+ Hiện thực cách mạng rộng mở, đề tài đa dạng, bám lấy hiện thực cách mạng để phản ánh

+ Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng của đất nước và con người Việt Nam.

+ Tình nhân ái, mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp của con người mới.

+ Lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### - Về mặt hình thức thể loại và tác phẩm

+ Tiếng Việt hiện đại giàu có, trong sáng, nhuần nhị, lối diễn đạt khúc chiết, thanh thoát

+ Thơ là thành tựu nổi bật nhất. Thơ anh hùng ca, thơ trữ tình. Chất trí tuệ, trong thơ. Mở rộng câu thơ. Hình tượng người lính và người phụ nữ trong thơ.

+ Truyện ngắn, tiểu thuyết, các loại ký... phát triển mạnh, có nhiều tác phẩm hay nói về con người mới trong sản xuất, chiến đấu, trong tình yêu. Nghệ thuật kể chuyện, bố cục, xây dựng nhân vật... đổi mới và hiện đại...

+ Nghiên cứu, phê bình văn học, dịch thuật... có nhiều công trình khai thác tính truyền thống của văn học dân tộc và tinh hoa văn học thế giới.

## **3. Những đặc điểm cơ bản:**

***a. Văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước:***

- + Khuynh hướng tư tưởng chủ đạo là tư tưởng cách mạng, văn học là vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng.
- + Tập trung vào đề tài Tổ quốc: bảo vệ đất nước, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. -
- + Nhân vật trung tâm là người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang.

**b. Nền văn học hướng về đại chúng:**

- + Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh chủ yếu vừa là nguồn cung cấp, bổ sung lực lượng cho sáng tác văn học.
- + Hình tượng chính của văn học giai đoạn này là hình tượng người chiến sĩ, người lao động, hình tượng quần chúng với tư tưởng và tư thế mới của người làm chủ cuộc sống.
- + Các hình thức biểu hiện ngắn gọn, dễ hiểu, gần gũi, quen thuộc với đại chúng.

**c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn:**

- + *Đề tài:* Văn học phản ánh những sự kiện, những vấn đề có ý nghĩa lớn lao có ý nghĩa lịch sử và tính chất toàn dân tộc, tập trung thể hiện chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.

+ *Nhân vật chính:* hường là những con người tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, kết tinh phẩm chất cao quý của cộng đồng; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt bốn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, tình cảm lớn, lẽ sống lớn lên hàng đầu

+ *Lời văn:* mang giọng điệu trang trọng, hào hùng, thiên về ngợi ca, ngưỡng mộ.

- **Cảm hứng lãng mạn:** Chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng như

- + Ca ngợi cuộc sống mới, con người mới,
- + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM
- + Thể hiện niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

Cảm hứng lãng mạn gắn liền với khuynh hướng sử thi.

**B. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG 1975 - XX**

**1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**

- Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, lịch sử dân tộc ta mở ra một thời kì mới- thời kì độc lập, tự do và thống nhất đất nước.

- Từ năm 1986, Đảng Cộng sản đề xướng đổi mới toàn diện, ” *Đổi mới đang là vấn đề bức thiết và sống còn của toàn dân tộc*”.

- Nền kinh tế nước ta cũng từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.

- Văn hoá: Tiếp xúc và giao lưu văn hoá được mở rộng., văn học dịch thuật, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ.

→ Sự nghiệp đổi mới thúc đẩy nền văn học cũng đổi mới để phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của văn học.

**2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học từ 1975 - XX**

**a.. Những nét lớn về thành tựu**

- Phát triển đa dạng về đề tài, chủ đề; phong phú và mới mẻ về thủ pháp nghệ thuật. Nhiều tác phẩm đã có bước chuyển biến về sự đổi mới trong nghệ thuật

- + Thơ ca và truyện ngắn đã có những đóng góp tích cực trong công cuộc đổi mới văn học
- + Những tác giả trẻ đã có những bước đột phá, tìm tòi đề cách tân trong nghệ thuật
- *Sự nở rộ ở thể loại trường ca*: “Những người lính đi tới biển”(Thanh Thảo); “Đất nước hình tia chớp” (Trần Mạnh Hảo)...
- Thơ không tạo sự lồi cuồn, hấp dẫn như các giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm đáng chú ý: *Di cảo thơ* - Chế Lan Viên, *Tự hát* – Xuân Quỳnh, *Người đàn bà ngồi đan* – Ý Nhi, *Ánh trăng* - Nguyễn Duy
- *Văn xuôi có nhiều khởi sắc*: “Mùa lá rụng trong vườn” (Ma Văn Kháng); “Thời xa vắng” (Lê Lựu)...
- Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới, văn học gắn bó hơn, cập nhật hơn những vấn đề của đời sống hàng ngày: “Chiếc thuyền ngoài xa” (Nguyễn Minh Châu); Bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” (Hoàng Phủ Ngọc Tường); hồi kí “Cát bụi chân ai” (Tô Hoài).
- Kịch nói phát triển mạnh mẽ: “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ.

### **b. Một số phương diện đổi mới trong văn học:**

Khuynh hướng tư tưởng:

- Văn học vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, có tính chất hướng nội, đi sâu vào đời tư nên mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc.
- Đề cao cá tính sáng tạo của nhà văn, đổi mới cách nhìn nhận, tiếp cận con người và hiện thực đời sống như: đi sâu vào hiện thực đời sống, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân, khám phá con người trong mối quan hệ đa diện nhiều chiều với những mâu thuẫn phức tạp của đời sống xã hội, kể cả đời sống tâm linh.

### **C. Kết luận**

- Văn học giai đoạn 1945-1975 đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ những truyền thống tư tưởng lớn của văn học dân tộc: chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng.
- Ở giai đoạn sau 1975 văn học bước vào công cuộc đổi mới ngày càng toàn diện và sâu sắc.

## **Bài 2: HỒ CHÍ MINH**

### **I. Quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh :**

- *Hồ Chí Minh coi văn nghệ phải là một vũ khí chiến đấu phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp Cách mạng.*

Nhà văn cũng phải có tinh thần chiến đấu như chiến sĩ ngoài mặt trận.

“ Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong ”.

- *Hồ Chí Minh luôn chú trọng tích chân thực và tính dân tộc của văn học.* Theo người nhà văn phải miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn hiện thực phong phú của đời sống và phải giữ cho tình cảm chân thật. Mặt khác, nên đề cao sự sáng tạo của người nghệ sĩ,

chú ý phát huy cốt cách dân tộc và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Khi cầm bút, Hồ Chí Minh rất chú trọng mục đích sáng tác và đối tượng tiếp nhận và coi đó là cơ sở để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. Bởi vậy trước khi viết Người luôn đặt ra các câu hỏi: Viết cho ai? (đối tượng); Viết để làm gì? (mục đích) rồi mới đến Viết cái gì? (nội dung) và Viết như thế nào? (hình thức).

## 2. Di sản văn học

Người để lại một di sản văn học lớn lao về tầm vóc tư tưởng, phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách.

### a. Văn chính luận:

+ Tác phẩm tiêu biểu: “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” (1925); “*Tuyên ngôn độc lập*” (1945)

+ Nội dung: Viết nhằm mục đích tấn công trực diện với kẻ thù, hoặc thể hiện những nhiệm vụ Cách mạng qua các chặng đường lịch sử.

+ Những áng văn chính luận tiêu biểu của HCM cho thấy tác giả viết không chỉ bằng lí trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo, lời văn chặt chẽ, súc tích mà còn bằng cả tấm lòng yêu nước nồng nàn của một trái tim vĩ đại.

### b. Truyện và kí

\* Truyện và kí:

+ Tác phẩm tiêu biểu: “*Vi hành*”, “*Lời than vãn của bà Trưng Trắc*”, Kí: “*Vừa đi đường vừa kể chuyện*” (1963)

+ Nội dung: Dựa trên những sự kiện có thật, tác giả hư cấu tưởng tượng để nhằm tố cáo tội ác dã man, bản chất tàn bạo, xảo trá của thực dân phong kiến tay sai và đề cao tấm lòng yêu nước của nhân dân.

+ Tác phẩm cô đọng, tình huống truyện độc đáo hình tượng sinh động, sắc sảo, giàu chất trí tuệ và hiện đại.

**c. Thơ ca:** Đây là lĩnh vực sáng tạo nổi bật nhất trong sự nghiệp văn chương của HCM.

- Tác phẩm tiêu biểu: Với gần 250 bài thơ có giá trị được tuyển chọn và in trong các tập “*Nhật ký trong tù*” (1942 – 1943) gồm 134 bài, “*Thơ Hồ Chí Minh*” (1967) gồm 86 bài; Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh gồm 36 bài., HCM đã có những đóng góp quan trọng cho nền thơ ca VN hiện đại.

- Nội dung:

+ Tập thơ “*Nhật ký trong tù*” mang nội dung tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo của bọn Quốc dân Đảng và thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của một bậc “*đại trí, đại nhân và đại dũng*”.

+ Thơ Hồ Chí Minh”: thể hiện tấm lòng yêu nước của vị lãnh tụ và ngợi ca sức mạnh quân dân trong kháng chiến.

+ Thơ chữ Hán : viết về đề tài kháng chiến, tình bạn và những tâm tình riêng

## 3. Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh

Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng:

- Văn chính luận: ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp. Giọng văn khi ôn tồn, thấu tình đạt lí; khi đanh thép, mạnh mẽ hùng hồn.

- Truyện và kí: rất chủ động và sáng tạo, lối kể chân thực gần gũi, giàu chất trí tuệ và tính hiện đại, có tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén.

- *Thơ ca*: có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại; chất thép với chất tình; giữa sự trong sáng giản dị và sự hàm súc, sâu sắc. Thơ của Người có thể chia làm 2 loại, mỗi loại lại có những nét phong cách riêng:

+ Những bài thơ tuyên truyền cách mạng thường được viết bằng hình thức bài ca, lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại.

+ Những bài thơ nghệ thuật chủ yếu viết bằng chữ Hán với những bài cổ thi hàm súc uyên thâm, đạt chuẩn mực cao về nghệ thuật,.

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

### A. Kiến thức cơ bản:

#### 1. Hoàn cảnh ra đời:

- Ngày 19/08/1945, chính quyền Hà Nội về tay nhân dân. Ngày 26/08/1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về tới Hà Nội và tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người đã soạn “Tuyên ngôn Độc lập”.

- Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Người đã đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- “Tuyên ngôn Độc lập” ra đời trong một tình thế vô cùng cấp bách vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, nền độc lập vừa mới giành được bị đe dọa bởi các thế lực phản động, bọn đế quốc thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta

#### 2. Giá trị, mục đích, đối tượng của bản “Tuyên ngôn Độc lập”:

##### - *Giá trị lịch sử:*

+ Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, khai sinh nước Việt Nam DCCCH mở ra một kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc.

+ Bẻ gãy mưu đồ tái chiếm nước ta của thực dân Pháp và ngăn chặn âm mưu xâm lược của Mỹ.

##### - *Giá trị văn học:*

+ **Giá trị tư tưởng:** “Tuyên ngôn Độc lập” là tác phẩm kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng tự do.

+ **Giá trị nghệ thuật:** Là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, những bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục, ngôn ngữ gợi cảm, hùng hồn vừa tố cáo mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp, ngăn chặn âm mưu tái chiếm nước ta của các thế lực thù địch, vừa bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của tác giả và toàn dân tộc.

- **Đối tượng:** Nhân dân Việt Nam; các nước trên thế giới; bọn đế quốc, thực dân đang lăm le xâm lược nước ta: Mỹ, Pháp.

#### 3. Nội dung:

##### 3.1. Phần 1 (Từ đầu đến “Không ai chối cãi được”): Nêu nguyên lí chung

- Người đã trích dẫn bản hai bản “Tuyên ngôn độc lập” (1776) của Mỹ và “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” (1791) của Pháp. Hai bản Tuyên ngôn này khẳng định quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi con người ở mọi dân tộc. Tác giả dùng thủ pháp “lấy gậy

ông đập lưng ông” lấy chính lí lẽ của đối phương đáp trả lại đối phương nhắc nhở đối phương đang đi ngược lại những gì mà tổ tiên họ để lại..

- Đặt 3 cuộc cách mạng của nhân loại ngang bằng nhau, trong đó cách mạng VN cùng một lúc thực hiện nhiệm vụ của hai cuộc cách mạng Mĩ, Pháp. Sánh vai các nước bé nhỏ với các cường quốc năm châu.

- Từ quyền *con người* Bác mở rộng thành quyền của *dân tộc*. Đây là một suy luận hết sức quan trọng vì đối với những nước thuộc địa như nước ta lúc bấy giờ thì trước khi nói đến quyền của con người phải đòi lấy quyền của dân tộc. Dân tộc có độc lập, nhân dân mới có tự do, hạnh phúc. Đó là đóng góp riêng của tác giả và cũng là của dân tộc ta vào một trong những trào lưu tư tưởng cao đẹp vừa mang tầm vóc quốc tế vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX.

=> Lập luận vừa kiên quyết, vừa khôn khéo, tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho bản TN.

### 3.2. Phần 2 (từ “*Thế mà... phải được độc lập*”): Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền và lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà

a. Bản tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ xác đáng, những bằng chứng không ai có thể chối cãi để bác bỏ những luận điệu của thực dân Pháp muốn “*hợp pháp hóa*” việc chiếm lại nước ta :

+ Pháp kẻ công “*khai hóa*”, bản Tuyên ngôn kể tội áp bức bóc lột tàn bạo và tội diệt chủng của chúng. Tội nặng nhất là gây ra nạn đói năm giết chết hơn hai triệu đồng bào ta từ Bắc Kì đến Quảng Trị (dẫn chứng)

+ Pháp kẻ công “*bảo hộ*”, bản tuyên ngôn kể tội hai lần chúng dâng Đông Dương cho Nhật (dẫn chứng)

+ Pháp nhân danh Đồng minh đã chiến thắng phát xít, giành lại Đông Dương, bản tuyên ngôn kể tội chúng phản bội đồng minh: đầu hàng Nhật, khủng bố Cách mạng Việt Nam đánh Nhật cứu nước. Bản tuyên ngôn nói rõ: Dân tộc Việt Nam giành lại độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

.=> Bằng giọng văn hùng hồn mạnh mẽ, đầy sức thuyết phục, đoạn văn đã tố cáo hùng hồn và đánh thép tội ác của thực dân Pháp. Bằng phương pháp liệt kê, tác giả đã nêu lên hàng loạt tội ác của thực dân Pháp trên các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và ngoại giao

b. Từ những cứ liệu lịch sử hiển nhiên đó, bản Tuyên ngôn nhấn mạnh đến những thông điệp quan trọng:

+ Tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với thực dân Pháp xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước VN.

+ Kêu gọi toàn dân Việt Nam đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp

+ Kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc VN.

### 3.3. Phần 3 (còn lại): Lời tuyên ngôn và tuyên bố về ý chí bảo vệ nền độc lập của toàn dân tộc

- Tuyên bố về quyền được độc lập của dân tộc

- Tuyên bố về sự thật là nước Việt Nam đã giành được độc lập.

- Tuyên bố về ý chí, quyết tâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc bằng mọi giá.

Những lời tuyên ngôn này được trình bày logic, chặt chẽ, cái trước là tiền đề của cái sau.

### 4. Nghệ thuật :

- Kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, lập luận giàu sức thuyết phục

- Ngôn ngữ chính xác, trong sáng, gợi cảm.

- Giọng điệu linh hoạt.



### **Bài 3: NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ DÂN TỘC (Phạm Văn Đồng)**

#### **1. Nêu hoàn cảnh ra đời và mục định sáng tác của bài viết.**

- Bài Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc được in trong *Tạp chí Văn học* tháng 7 – 1963. viết nhân kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (3/7/1888 – 3/7/1963).

- 1963 cuộc kháng chiến chống Mỹ ngày càng ác liệt. Phong trào đấu tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân miền Nam sôi nổi và rộng khắp.

- Bằng cách nhìn, cách nghĩ sâu rộng, mới mẻ và nhiệt tình của một người gắn bó hết mình với đất nước, nhân dân, Phạm Văn Đồng đã làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn Nguyễn Đình Chiểu với hoàn cảnh của Tổ quốc lúc bấy giờ và thời đại hiện nay nhằm để:

+ Đề tưởng nhớ ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu, một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân, cho nước, một ngôi sao sáng trong nền văn nghệ của dân tộc Việt Nam.

+ Định hướng, điều chỉnh cách nhìn nhận, đánh giá về NĐC và thơ văn của ông; cổ vũ tinh thần yêu nước trong thời đại chống Mỹ cứu nước

**.2. Anh chị hiểu như thế nào nhận định sau:** *Trên trời cao có những vì sao có ánh sáng khác thường nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng thơ văn Đồ Chiểu cũng vậy.*

- Trên trời cao có những vì sao có ánh sáng khác thường (một hiện tượng văn học độc đáo, thơ văn có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra), *nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy* (phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kỹ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được những vẻ đẹp riêng của nó) và *càng nhìn thì càng thấy sáng* (càng nghiên cứu sâu, càng tìm hiểu kỹ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá được những vẻ đẹp mới) thơ văn Đồ Chiểu cũng vậy.

#### **a. “ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu**

+ Đời sống và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng.

+ Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức.

+ Làm người phải có khí tiết, phải phấn đấu vì nghĩa lớn, vì đất nước, dân tộc.

+ Văn thơ phải là vũ khí chiến đấu.

#### **b. “ánh sáng khác thường” trong thơ văn yêu nước chống ngoại xâm của Nguyễn Đình Chiểu:**

+ Thơ văn yêu nước chống ngoại xâm của Nguyễn Đình Chiểu đó “làm sống lại” một thời kì “khó nhọc” nhưng “vĩ đại”.

+ Tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại, cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm bằng những hình tượng văn học “sinh động và náo nùng” xúc động lòng người. Tiêu biểu nhất là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

+ Nguyễn Đình Chiểu chính là lá cờ đầu của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

#### **c. “ánh sáng khác thường” trong truyện thơ Lục Vân Tiên:**

- Khi nói về “*Lục Vân Tiên*”, Phạm Văn Đồng nêu quan điểm: “cần phải hiểu đúng *Lục Vân Tiên* thì mới thấy hết giá trị của bản trường ca này”.

- Theo Phạm Văn Đồng, có những đánh giá chưa thỏa đáng về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện thơ *Lục Vân Tiên*:

+ Về tư tưởng: những giá trị luân lý mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi đó “lỗi thời” “ở thời đại chúng ta”.

+ Về nghệ thuật : lời văn “nôm na”, “không hay lắm”.

- Phạm Văn Đồng đó giúp chúng ta nhận ra những “ ánh sáng khác thường” của truyện thơ *Lục Vân Tiên*:

+ Thứ nhất, tác giả đó chỉ cho chúng ta thấy rằng : không phải mọi “giá trị luân lý” mà Nguyễn Đình Chiểu đó từng ngợi ca đều trở nên “lỗi thời”.

+ Thứ hai, về nghệ thuật: do muốn viết một tác phẩm “*dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian*” nên lời văn có phần “nôm na”.

→ Qua bài viết, Phạm Văn Đồng muốn khẳng định : *Cuộc đời* của Nguyễn Đình Chiểu là cuộc đời của một người chiến sĩ đã phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. *Sự nghiệp thơ văn* của Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm của người cầm bút trước cuộc đời.

Cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là bài học cho hôm qua mà cho cả hôm nay.

### **3. Phân tích nghệ thuật lập luận của Phạm Văn Đồng trong bài viết Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc**

- Bài văn có bố cục chặt chẽ.

- Cách lập luận đi từ chung đến riêng, kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận diễn dịch, quy nạp, bác bỏ.

- Lời văn vừa có tính khoa học, vừa mang màu sắc văn chương.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh.

- Giọng điệu luôn thay đổi: lúc hào sảng, lúc xót xa.

### **4. Phạm Văn Đồng đã đánh giá như thế nào về Nguyễn Đình Chiểu trong bài văn nghị luận “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”**

- Nguyễn Đình Chiểu là một nhân cách trong sáng, một nhà thơ lớn của dân tộc, tấm gương chói sáng về tinh thần yêu nước cháy bỏng và lòng căm thù giặc sâu sắc;

- Nguyễn Đình Chiểu có quan điểm thơ văn đúng đắn: dùng thơ văn làm vũ khí chiến đấu chống bọn xâm lược, ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý ở đời.

## **Bài 4: THÔNG DIỆP NHÂN NGÀY PHÒNG CHỐNG AIDS, 1- 12- 2003 - (Cphi An-nan)**

### **A. Kiến thức cơ bản:**

#### **1. Nội dung:**

Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ. Tác giả thiết tha kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch là công việc của chính mình, hãy sát cánh bên nhau để cùng “giật đổ thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử với người bị HIV/AIDS.

#### **2. Nghệ thuật:**

- Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì đã thể hiện được những suy nghĩ sâu sắc và cảm xúc chân thành của người viết.

- Bài viết có bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ , ngắn gọn, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc

### **B. Luyện tập**

Qua văn bản “Bức thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS”, Tổng thư kí liên hiệp quốc Cô Phi An Nan kêu gọi mọi người có thái độ như thế nào trong cuộc chiến chống HIV/AIDS.

**Gợi ý:**

Tổng thư kí Liên hiệp quốc đã kêu gọi:

- Các quốc gia và tổ chức: “phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế; phải nỗ lực nhiều hơn nữa trong hành động.
- Đối với mọi người:
  - + Công khai lên tiếng về AIDS, đối mặt với thực tế không mấy dễ chịu.
  - + không vội vàng phán xét đồng loại của mình
  - + Không kì thị và phân biệt đối xử với người bị bệnh.
  - + Không ảo tưởng về sự bảo vệ bằng cách dựng lên hàng rào ngăn cách đối với người bị nhiễm HIV.
  - + Sát cánh cùng nhau trong cuộc chiến chống HIV/AIDS

**BÀI 4      TÂY TIẾN ( Quang Dũng)**

**A- KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**I Tác giả:**

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc.

*Phong cách thơ: phóng khoáng, hồn hậu và lãng mạn tài hoa.*

**II. Bài thơ “Tây Tiến”**

**1) Hoàn cảnh sáng tác:**

-“Tây Tiến” là đơn vị bộ đội được thành lập đầu năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào , đánh tiêu hao lực lượng địch ở thượng Lào cũng như miền Tây Bắc bộ VN.

- Địa bàn hoạt động khá rộng từ Châu Mai, Châu Mộc sang Sầm Nứa rồi vòng về Thanh Hóa.

- Lính Tây Tiến phần đông là sinh viên, học sinh Hà Nội.

Quang Dũng là đại đội trưởng. cuối năm 1948 ông chuyển sang đơn vị khác. Nhân một hôm tham dự đại hội thi đua toàn quân (Phù Lưu Chanh) nhà thơ nhớ đơn vị cũ nên viết bài thơ. Bài thơ lúc đầu có tên là “ Nhớ Tây Tiến” về sau đổi lại là “Tây Tiến”

**2) Nội dung chính của bài thơ:**

Bài thơ được viết trong nỗi nhớ da diết của Quang Dũng về đồng đội, về những kỉ niệm của đoàn quân Tây Tiến gắn liền với khung cảnh thiên nhiên miền Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ nhưng cũng rất trữ tình, thơ mộng.

**Đoạn 1:** “*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi..... Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*”: Những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.

**\*Hai câu mở đầu :** *bộc lộ cảm xúc chủ đạo của nỗi nhớ TT .*

-Cách diễn tả + điệp từ “nhớ”, nhấn mạnh cảm xúc nhớ thương mãnh liệt.

+ “Nhớ chơi voi”- cách dùng từ độc đáo, cụ thể hoá nỗi nhớ, nỗi nhớ dường như lan toả, đáng hình, đang bồng bềnh trong không gian, thời gian.

+Từ cảm “oi”, bắt vần với từ láy “chơi voi”, tạo âm hưởng mênh mang, da diết.

**\* Nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội:**

- Nhớ những địa danh mà đoàn quân Tây Tiến đó đi qua: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông- những địa danh gọi lên không khí núi rừng xa xôi, lạ lẫm.

- Bức tranh của núi rừng miền Tây được vẽ bằng nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ, dữ dội:

+ Những từ láy: *khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút* + những hình ảnh đối lập: “*dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm, ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*” giàu sức tạo hình;

+ Cách ngắt nhịp 4/3; Nhiều thanh trắc gợi sự vất vả nhọc nhằn; Âm thanh “gầm thét” của thác dữ, tiếng gầm gào của loài hổ dữ rình rập vồ người.

Câu thơ giàu chất tạo hình vẽ ra cái thế gập ghềnh, cheo leo của dốc núi như thử thách ý chí can trường của người lính. Nhưng các anh vẫn phơi phới, lạc quan, yêu đời, vẫn hồn nhiên, tinh nghịch trong tư thế “*Heo hút cồn mây súng ngửi trời*”.

- Sự phối thanh, ngắt nhịp linh hoạt đã tạo nên âm điệu lạ: Những thanh trắc: nghe nhọc nhằn, vất vả, giống như con đường hành quân gian khổ mà người lính phải trải qua. Những câu thơ phân nhịp bẻ đội, như hoạ lại con đường hành quân gian khổ ở độ cao, độ sâu chóng mặt. Những thanh bằng: nghe êm ái, nhẹ nhàng, như tâm hồn lâng lâng của người lính khi đã chiếm lĩnh được những độ cao tuyệt đối.

**\* Nỗi nhớ về đồng đội và những kỉ niệm trên đường hành quân:**

- Nhớ cái tếu táo, lạc quan trong gian khổ: “*Heo hút cồn mây súng ngửi trời*”

- Nhớ cái nhìn bay bổng, lãng mạn của người lính Tây Tiến sau những chặng đường vất vả: “*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*” (Câu thơ sử dụng nhiều thanh bằng tạo cảm giác nhẹ nhàng, bay bổng).

- Nhớ thương những người đồng đội đã ngã xuống nhưng không bi lụy. Nỗi mát mát, niềm cảm thương được nói bằng giọng thơ ngang tàng, kiêu hãnh: “*gục bên súng mũ bỏ quên đời*”.

+ Âm điệu câu thơ trĩu xuống như một tiếng khóc thầm. Trong gian khổ, dãi dầu, có đồng đội đã không bước nữa, vĩnh biệt đoàn binh, nằm lại nơi chân đèo góc núi.

+ Những từ: “*không bước nữa*”, “*Gục lên súng mũ*” & “*bỏ quên đời*” được dùng thay thế cho cái chết nhưng người đọc vẫn cảm nhận rất sâu sắc nỗi xót xa thương tiếc đồng đội như trào lên trong lòng nhà thơ.

+ Nhưng đây là những câu thơ được viết với cảm hứng **bi tráng**, nhằm ca ngợi cái chết đẹp của người chiến sĩ Tây Tiến vốn xuất thân từ những trí thức tiểu tư sản.

- Nhớ tình cảm quân dân giữa những người lính Tây Tiến và đồng bào Tây Bắc: “*Nhớ ôi... thom nếp xôi*”

+ Câu thơ chứa đựng hình ảnh đẹp, hương vị ngọt ngào, giọng điệu êm nhẹ như xua tan không khí mệt mỏi, lạnh lẽo, chét chóc & tạo ra cảm giác êm ái, dễ chịu, ấm cả lòng người.

**Đoạn 2:** “*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa..... Trôi dững nước lũ hoa đong đưa*: Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

**\* Những kỉ niệm về tình quân dân thấm thiết qua những đêm liên hoan văn nghệ đậm màu sắc lãng mạn, trữ tình** được miêu tả bằng những chi tiết lãng mạn:

+ Đêm liên hoan diễn ra trong không khí ấm áp tình người: có ánh sáng, có âm thanh, có màu sắc. Con người rạo rực bốc men say.

+ Nhân vật trung tâm của đêm hội là những thiếu nữ Tây Bắc trong bộ trong bộ xiêm áo rực rỡ, với điệu múa uyển chuyển, cặp mắt tình tứ, dáng điệu e thẹn đã làm xao xuyến tâm hồn các chàng lính trẻ.

+ Từ “bùng” là một nét vẽ có thần, chỉ ánh sáng của lửa đuốc, của lửa trại, còn có nghĩa chỉ sự bùng bùng rộn ràng của tiếng khèn, tiếng trống.

+ Cái nhìn trẻ trung, ngỡ ngàng, ngạc nhiên, say mê sung sướng của những người lính Tây Tiến trước vẻ đẹp phương xa.

+ Bằng bút pháp tài hoa, lãng mạn, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp giàu bản sắc văn hoá, phong tục của đồng bào vùng biên giới cùng tình cảm quân dân thắm thiết và tâm hồn lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của người lính Tây Tiến.

**\* Nhớ về đẹp của con người và cảnh vật sông nước miền Tây Bắc đầy chất thơ :**

- Không gian trên dòng sông, cảnh vật Châu Mộc hiện lên thật mờ ảo, thơ mộng nhuốm màu sắc cổ tích, huyền thoại.

- Nổi bật lên trên bức tranh sông nước là cái dáng mềm mại, uyển chuyển của các cô gái Thái trên con thuyền độc mộc.

- Những bông hoa rừng cũng như đang *đong đưa* làm duyên trên dòng nước lũ.

- Những bông lau ven rừng như có hồn và gọi nhớ da diết.

- Âm điệu đoạn thơ trầm bổng, lâng lâng, như đưa hồn người vào cõi mộng, chất nhạc, chất hoạ, chất thơ toát lên từ vần thơ, cho thấy tính thẩm mỹ độc đáo của ngòi bút Quang Dũng, đồng thời khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn các chiến sĩ TT : trong gian khổ & thử thách, trong gian truân & chết chóc, họ vẫn lạc quan, yêu đời, hồn nhiên, mơ mộng. Phải sống hết mình với đời lính, Quang Dũng mới viết được những vần thơ mang hương sắc núi rừng xa lạ, tươi đẹp & thơ mộng như thế.

**Đoạn 3: Bức tượng đài người lính Tây Tiến bất tử với thời gian**

Bức chân dung được dựng, tả bằng bút pháp hiện thực & lãng mạn, bằng cảm hứng bi tráng.

**+ Ngoại hình đối lập với tính cách :**

- *Gian khổ mà hào hùng:*

+ Thân hình tiêu tụy không mọc tóc, xanh màu lá vì gian khổ, thiếu thốn, vì bệnh sốt rét hoành hành sốt rét rừng của người lính Tây Tiến :

+ Nhưng tư thế khi xung trận thì “dữ oai hùng”, “mắt trừng”. Trong gian khổ, hình tượng người lính Tây Tiến vẫn hiện ra với dáng vẻ oai phong,凛冽, vẫn toát lên cốt cách, khí phách hào hùng, mạnh mẽ.

+ Tính cách : gan dạ, dũng cảm, sẵn sàng chấp nhận hi sinh “chẳng tiếc đời xanh”- coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

- *Thiếu thốn mà vẫn mộng mơ:*

+ “*Mắt trừng*” là chi tiết cực tả cái phần nộ, sôi sục của nội tâm hướng về nhiệm vụ chiến đấu.

+ “*Mộng qua biên giới*” là mộng chiến công, khao khát lập công; và “*mơ Hà Nội dáng kiều thơm*” là mơ về, nhớ về dáng hình kiều diễm của người thiếu nữ đất Hà thành thanh lịch. Những hình ảnh thơ thể hiện tâm hồn mộng mơ, lãng mạn của người lính - những chàng trai ra đi từ đất Hà Nội thanh lịch.

+ Trong Ct ác liệt, những giấc “mộng” và “mơ” ấy đã sưởi ấm tâm hồn mình bằng một thoáng mơ mộng về “dáng kiều thơm”- dáng đẹp của người con gái HN thanh lịch. Đó là chất men say lí tưởng tiếp thêm sức mạnh để các anh vượt gian khổ để lập nên nhiều chiến công. Đó là

nét khám phá của Quang Dũng khi vẽ chân dung anh bộ đội cụ Hồ tiểu tư sản thời chống Pháp.

⇒ Ba nét vẽ chính xác, dựng lên lên vẻ đẹp chân dung của người lính Tây Tiến vừa hào hoa lãng mạn. vừa oai dũng, kiên cường.

- Sự hy sinh của người lính Tây Tiến

+ Những người lính trẻ trung, hào hoa đó gửi thân mình nơi biên cương xa xôi, sẵn sàng tự nguyện hiến dâng “Đời xanh” cho Tổ Quốc mà không hề tiếc nuối.

+ Hình ảnh “áo bào thay chiếu” là cách nói sang trọng hóa sự hy sinh của người lính Tây Tiến.

+ Họ coi cái chết tựa lông hồng. Sự hy sinh ấy nhẹ nhàng, thanh thản như trở về với đất mẹ: “*anh về đất*”.

+ “*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*” : Linh hồn người tử sĩ đó hoà cùng sông núi. Con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc độc tấu đau thương, hùng tráng để tiễn người lính vào cõi bất tử. Âm hưởng dữ dội tô đậm cái chết bi hùng của người lính Tây Tiến.

Quang Dũng tiếp tục khai thác bằng bút pháp lãng mạn & màu sắc bi tráng .

- Bi : những năm mồ năm rải rác biên cương, người lính hi sinh không một manh chiếu để liệm thân.

- Hùng : qua cái nhìn qua cái nhìn lãng mạn của nhà thơ thì họ lại được bọc trong những chiếc áo bào sang trọng- cái bi đã trở thành cái hùng.

- Hàng loạt từ Hán Việt: *Biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành*... gọi không khí tôn nghiêm, trang trọng khi nói về sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

⇒ Hình ảnh người lính Tây Tiến phảng phất vẻ đẹp lãng mạn mà bi tráng của người tráng sĩ anh hùng xưa.

#### **Đoạn 4: Lời thề son sắt**

- Khẳng định vẻ đẹp tinh thần của người lính Tây Tiến đối với thời đại và đối với lịch sử:

+ Vẻ đẹp tinh thần của người vệ quốc quân thời kì đầu kháng chiến: một đi không trở lại, ra đi không hẹn ngày về.

+ Vẻ đẹp của người lính Tây Tiến sẽ còn mãi với thời gian, với lịch sử dân tộc, là chứng nhân đẹp đẽ của thời đại chống thực dân Pháp.

- Cụm từ *người đi không hẹn ước* thể hiện tinh thần quyết ra đi khùng hẹn ngày về. Hình ảnh *đường lên thăm thẳm* gọi lên cả một chặng đường gian lao của đoàn quân Tây Tiến.

- Âm hưởng trầm hùng thể hiện ý chí quyết tâm của người lính với tinh thần một đi không trở về- sẵn sàng cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh

- Từ ngữ, hình ảnh cổ kính, gọi liên tưởng đến chất uyên hùng của các tráng sĩ thời phong kiến.

→ Vẻ đẹp bất tử của người lính Tây Tiến được thể hiện ở âm hưởng, giọng điệu của cả 4 dòng thơ. Chất giọng thoáng buồn pha lẫn chút băng khuâng, song chủ đạo vẫn là giọng hào hùng đầy khí phách.

#### **5- Đánh giá chung.**

- Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của người chiến sĩ xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản : tâm hồn trong sáng,

+ Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn.

+ Sự sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng thơ.

+ Nghệ thuật tạo hình phối hợp với âm điệu độc đáo (cách dùng thanh bằng - trắc) tạo cho “Tây Tiến” một ấn tượng khó quên.

+ Qua bài thơ, Quang Dũng đó ngợi ca vẻ đẹp hùng vĩ và trữ tình, dữ dội mà mỹ lệ của thiên nhiên núi rừng miền Tây Bắc của Tổ quốc, đặc biệt khắc vào thời gian một bức tượng đài bất tử về người lính Tây Tiến anh dũng, hào hoa.

## **LUYỆN TẬP:**

***Phân tích hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến.***

### **Gợi ý:**

1. Giới thiệu khái quát về Quang Dũng, bài thơ Tây Tiến và hình tượng đoàn binh Tây Tiến.

### **2. Phân tích hình tượng người lính Tây Tiến:**

#### ***a) Vẻ đẹp hào hùng:***

+ Trong cuộc trường chinh gian khổ: người lính ở đây là những trí thức, học sinh, sinh viên xuất thân Hà Nội, chưa quen với gian lao, lại trải qua cuộc hành quân dài ngày, địa hình hiểm trở, khắc nghiệt, phải đối mặt với cái chết từ nhiều phía.

+ Tư thế hành quân, dáng vẻ dữ dội khác thường của người lính (chú ý một số hình ảnh: *gục lên súng mũ bỏ quên đời, đoàn binh không mọc tóc, xanh màu lá, dữ oai hùm, mắt trừng...*)

+ Lí tưởng chiến đấu cao đẹp và tinh thần hi sinh cho Tổ quốc (đi sâu phân tích các hình ảnh: những nắm *mồ viễn xứ, chẳng tiếc đời xanh, chẳng về xuôi*, âm thanh trầm hùng của sông Mã đưa tiễn những người con hi sinh về đất mẹ.

#### ***b) Vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn:***

+ Vẻ đẹp của tình người: gian khổ, ác liệt, hi sinh, người lính ở đây vẫn là những con người mơ mộng, lãng mạn, quyến luyến tình người (tình cảm với cô gái Mai Châu mùa nệp mới, những cô gái xiêm áo rực rỡ vừa e lệ vừa tình tứ trong đêm hội đuốc hoa, dáng kiều thơm của cô gái Hà thành, dáng hình sơn nữ trên con thuyền độc mộc).

+ Cảm xúc về thiên nhiên: tinh tế trong phát hiện và cảm nhận cái đẹp (một nếp nhà sàn thấp thoáng trong mưa, hòn lau nơi bờ suối, dáng hình sơn nữ buổi hoàng hôn, bông hoa đong đưa trên dòng nước...). Dễ say đắm trước những vẻ đẹp man sơ và khác lạ (đốc thăm thăm, cồn mây heo hút, thác gầm thét, cọp trên người...)

+ Tâm hồn lạc quan, yêu đời, nguyện dâng thân vào cuộc chiến đấu được thể hiện qua quan niệm lãng mạn về người anh hùng (coi cái chết nhẹ tựa lông hồng) và qua nếp sinh hoạt văn hoá ngay trong những ngày gian khổ, hi sinh (những đêm liên hoan văn nghệ trong rừng sâu)

#### ***c) Nghệ thuật của ngòi bút Quang Dũng trong khắc hoạ hình tượng người lính:***

+ Hình ảnh đặc sắc (*đoàn binh không mọc tóc, xanh màu lá, dữ oai hùm*), ngôn từ mới lạ và sự kết hợp của các từ cổ với các từ ngữ dân dã, đời thường (*biên cương, viễn xứ, kiều thơm, chiếu, đất, bỏ quên đời, chẳng về xuôi*) tạo được vẻ cứng cỏi ngang tàng của người lính gắn với các tráng sĩ trong văn học cổ mà vẫn hiện đại.

+ Bút pháp hiện thực đan xen bút pháp lãng mạn, thủ pháp đối lập - tạo nên vẻ lãng mạn, bay bổng của người lính mà vẫn rất chân thực, tạo âm hưởng bi tráng cho bài thơ.

### **3. Đánh giá:**

- Quang Dũng đó ngợi ca vẻ đẹp hùng vĩ và mỹ lệ của thiên nhiên núi rừng miền Tây Bắc

- Dựng nên tượng đài bất tử về người lính vô danh trong cuộc chiến đấu hi sinh cho Tổ quốc.

## **BÀI 5: TỐ HỮU**

### **I. Những chặng đường thơ Tố Hữu:**

Những chặng đường thơ của Tố Hữu bắt đầu cùng một lúc với sự nghiệp cách mạng.

\* **Từ ấy (1937-1946):** Tập thơ đầu tay của một hồn thơ sôi nổi, say mê lí tưởng từ khi giác ngộ cách mạng đến lúc trưởng thành của người thanh niên cách mạng. Tập thơ chia làm 3 phần: “Máu lửa”; “Xiềng xích”; “Giải phóng”

+ “Máu lửa”: sáng tác thời kì Mặt trận Dân chủ, nội dung: cảm thông sâu sắc với những người nghèo khổ, khơi dậy ý chí đấu tranh và niềm tin ở họ

+ “Xiềng xích”: sáng tác trong các nhà lao, nội dung: lòng tha thiết khát khao cuộc sống, ý chí kiên cường của người chiến sĩ trong tù

+ “Giải phóng”: sáng tác từ khi vượt ngục đến những ngày đầu giải phóng dân tộc, nội dung: ca ngợi thắng lợi của cách mạng, khẳng định niềm tin tưởng vững chắc của nhân dân vào chế độ mới

\* **Việt Bắc (1947-1954):** Là bản hùng tráng, thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và những con người kháng chiến. Thể hiện những tình cảm lớn của người Việt Nam trong kháng chiến: tình yêu quê hương đất nước, tình đồng bào, tình cảm nhân dân với lãnh tụ... Tác phẩm tiêu biểu: “Việt Bắc”; “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”; “Ta đi tới”.

\* **Gió lộng (1955-1961):** Với cảm hứng lãng mạn, lạc quan, tập thơ ca ngợi công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Thể hiện tình cảm đối với miền Nam ruột thịt, bộc lộ ý chí đấu tranh thống nhất đất nước; Tác phẩm tiêu biểu: *Bài ca xuân 61; Người con gái Việt Nam.*

\* Ra trận (1962-1971), Máu và hoa (1972-1977): Là khúc ca ra trận, bản anh hùng ca về miền Nam trong lửa đạn sáng ngời, nhằm cổ vũ, động viên, ngợi ca cuộc kháng chiến chống mĩ cứu nước vĩ đại, ngợi ca đất nước và con người Việt Nam anh hùng. Tác phẩm tiêu biểu: “Chào xuân 67”; “Theo chân Bác”; “Việt Nam- Máu và hoa”.

\* Ngoài 5 tập thơ trên, Tố Hữu còn có hai tập thơ: Một tiếng đờn (1992), Ta với ta (1999). Đây là hai tập thơ viết sau 1975, thể hiện dòng chảy của đời thường, những chiêm nghiệm của nhà thơ về cuộc đời và con người, giọng thơ trầm lắng, giàu suy tư.

### **II. Những đặc điểm cơ bản của phong cách thơ Tố Hữu:**

#### **a. Thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị sâu sắc**

- Mọi vấn đề chính trị, mọi sự kiện của đời sống cách mạng đều trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật

trong thơ TH.

- Nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của cả dân tộc.

- Cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu là cái tôi chiến sĩ - cái tôi công dân - cái tôi cộng đồng dân tộc.

- Thơ Tố Hữu khắc sâu tình đồng chí, nghĩa đồng bào, lòng yêu dân, yêu nước, ân tình cách mạng.

#### **b. Thơ Tố Hữu gắn liền với khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.**



- Thơ Tố Hữu thường tập trung thể hiện ở những vấn đề lớn lao, trọng đại của cách mạng, dân tộc.
- Nhân vật trữ tình trong thơ Tố Hữu là những con người đại diện cho phong cách của dân tộc mang tầm vóc lịch sử và thời đại.
- Thơ luôn hướng tới tương lai, khơi dậy niềm tin tưởng lạc quan vào sự nghiệp tất thắng của dân tộc.

**c. Thơ Tố Hữu có giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, tha thiết.**

- Nhiều vấn đề chính trị, cách mạng đã được thể hiện bằng tiếng nói chứa chan tình cảm; lời xưng hô thân mật.
- Chất Huế ngọt ngào trong thơ do thừa hưởng từ gia đình và quê hương, tạo giọng điệu tha thiết ngọt ngào.
- Quan niệm của Tố Hữu về thơ: thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí.

**d. Thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc:**

**- Về nội dung:**

- + Thể hiện những nét đặc sắc của đất nước, con người Việt Nam.
- + Những tình cảm chính trị, đạo lí cách mạng được tiếp nối và hoà nhập với truyền thống tình cảm và đạo lí dân tộc.

**- Về nghệ thuật:**

- + Thơ Tố Hữu sử dụng đa dạng các thể thơ, đặc biệt thành công với các thể thơ dân tộc nhất là thơ lục – bát , thơ 7 tiếng, phát huy tính nhạc phong phú của TV.
- + Thơ Tố Hữu sử dụng lối ví von, so sánh gần gũi quen thuộc với ca dao, dân ca.
- + Thơ Tố Hữu thể hiện thành công từ láy, phối hợp âm thanh, nhịp điệu, vần điệu, tạo vẻ đẹp của âm thanh ngôn ngữ tiếng Việt.

**VIỆT BẮC - Tố Hữu**

**1. Hoàn cảnh ra đời :**

Sáng tác vào tháng 10 năm 1954. Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, các cơ quan Trung ương của Đảng và chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu Việt Bắc để về xuôi. Bài thơ được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

**2. Cảm xúc chủ đạo:**

Cảm xúc chủ đạo là nỗi nhớ (từ “nhớ” xuất hiện tới 35 lần), nỗi nhớ gọi về những kỉ niệm về Việt Bắc kháng chiến (thiên nhiên, cảnh vật, sự kiện, con người).

**3. Kết cấu bài thơ:**

Kết cấu đối đáp: Đối đáp giữa Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến từ già Việt Bắc. Lời đối đáp gần gũi, thân thuộc như trong ca dao, dân ca. Bài thơ vì thế mà như lời tâm tình chan chứa yêu thương của người yêu với người yêu.

**4. Nội dung:**

**4.1. Tám câu đầu: những phút giây đầu tiên của buổi chia tay đầy băng khuâng, lưu luyến giữa kẻ ở người đi.**

- *Bốn câu đầu*: lời ước hỏi của người ở lại. Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình.

+ Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ *mình - ta* quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô *mình - ta* tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ “nhớ”, lấy đi, lấy lại cùng với lời nhấn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.

+ Các từ “*thiết tha*”, “*mặn nồng*” thể hiện bao ân tình gắn bó.

- *Bốn câu sau*: tiếng lòng của người cán bộ về xuôi tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng băng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ “*cầm tay nhau*” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn luyến lưu của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.

+ Hình ảnh “*áo chàm*” (nghệ thuật hoán dụ) có giá trị khắc họa bản sắc trang phục của đồng bào Việt Bắc nhưng sâu xa hơn lại để nói rằng ngày chia tay cán bộ kháng chiến về xuôi cả nhân dân Việt Bắc đều hiện diện.

+ Câu thơ bỏ lửng “*cầm tay...*” diễn tả thái độ ghen ngào không nói lên lời của người cán bộ già từ Việt Bắc về xuôi.

#### 4.2. Mười hai câu tiếp: nhớ về những kỉ niệm chiến khu gian khổ

+ Nhớ thiên nhiên khắc nghiệt: “*mưa nguồn, suối lũ*,

+ Nhớ cuộc sống những mây cụm mự” nhưng nghĩa tình “*Mình về rừng núi nhớ ai... để già*” chiến khu gian khổ nhưng căm thù giặc sâu sắc: *b, t com chắm muối, mối thù nặng vai*.

+ Nhớ những năm đầu kháng Nhật với những địa danh lịch sử: *Tân Trào, Hồng Thái mái đình cây đa*.

Câu thơ “*Mình đi mình có nhớ mình*”: nhớ mình - tức nhớ người ở lại nhưng cũng như là nhắc nhở chính mình hãy nhớ về quá khứ.

#### 4.3. Từ câu 25 đến câu 42: nhớ những kỉ niệm sinh hoạt nghèo khổ mà ấm áp nghĩa tình.

*Nhớ gì như nhớ người yêu*

*Chày đêm nện cối đều đều suối xa*

- Nỗi nhớ VB được so sánh với nhớ người yêu: Nỗi nhớ mãnh liệt và da diết.

- Từ nỗi nhớ *như nhớ người yêu*, Việt Bắc hiện lên với những nét đẹp rất riêng: Trăng đầu núi, nắng lưng nương cùng những tên gọi, địa danh cụ thể. Điệp từ “nhớ từng” lặp đi lặp lại làm cho nỗi nhớ thêm da diết. Thiên nhiên Việt Bắc như hiện hữu trước mắt với *Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê* thật gần gũi thân quen..

- Tuy nhiên, da diết và đậm sâu hơn cả vẫn là nỗi nhớ về con người, về ân tình Việt Bắc:

+ Nhớ Việt Bắc là nhớ đến tấm lòng biết sẻ chia, đầy nghĩa tình : Thương nhau. . . chẵn sui đắp cùng.

+ Nhớ đồng chí, đồng đội với bao gian nan vất vả nhưng vẫn lạc quan, yêu đời: *Nhớ sao ... núi đèo*

- Việt Bắc vì thế tuy gian khổ, vất vả nhưng trong kí ức vẫn thanh bình, đẹp đẽ: *Nhớ sao tiếng mõ ... suối xa*

=> Đoạn thơ đủ sức gọi ra thật rõ nét và thấm thía khung cảnh bản làng, tình người, tình quân dân của chiến khu những năm kháng Pháp với tất cả những dáng nét, âm thanh, không khí, tâm tình. Những câu thơ cất lên nghe sao trù mến, nói về mẹ, về trẻ thơ, về người thương yêu dấu. . .

#### 4.4. Từ câu 43 đến câu 52: Bức tranh tứ bình về thiên nhiên, con người Việt Bắc.

- Thiên nhiên Việt Bắc đẹp trong sự đan cài với vẻ đẹp của con người : “*hoa*” cùng “*người*”. Đoạn thơ có bốn cặp câu lục bát: câu 6 miêu tả thiên nhiên, câu 8 miêu tả con người.

- Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên trong vẻ đẹp bốn mùa:

+ *Mùa đông* rừng vẫn xanh, bỗng bất ngờ hiện lên sắc màu đỏ tươi của hoa chuối.

- + *Mùa xuân* với sắc trắng của hoa mơ- loài hoa đặc trưng của Việt Bắc, 1 màu trắng tinh khiết, đẹp đến nao lòng.
- + *Mùa hè*, với tiếng ve kêu vang ngân và sắc vàng của rừng phách.
- + *Mùa thu* với ánh trăng hoà bình dịu mát, đem lại không khí bình yên.
- Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm của bức tranh tứ bình, tạo nên sức sống của thiên nhiên cảnh vật:
- + Mùa đông trở nên ấm áp với “*ánh nắng dao gài thắt lưng*”.
- + Bức tranh mùa xuân hòa cùng với dáng vẻ cần mẫn chút chằm của “*người đan nón*”
- + Bức tranh mùa hè dịu dàng với hình ảnh cô em gái hái măng một mình
- + Mùa thu là tiếng hát nghĩa tình thủy chung của con người cất lên giữa đêm trăng.
- Đoạn thơ mang nét đẹp cổ điển mà hiện đại:
- + Vẻ đẹp cổ điển: Bức tranh tứ bình hiện lên qua những nét gợi tả
- + Vẻ đẹp hiện đại: Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm, tạo nên vẻ đẹp, sức sống của thiên nhiên.

#### 4.5. Từ câu 53 đến câu 83: *Khung cảnh Việt Bắc trong chiến đấu*

##### a. Từ câu 53 -> 74:

“*Nhớ khi giặc đến giặc lùng*  
.....

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng*”

- Khung cảnh Việt Bắc kháng chiến với những cảnh rộng lớn, những hoạt động tập nập, sôi động của cuộc kháng chiến được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.
- Việt Bắc - căn cứ địa cách mạng:
- + Rừng núi mệnh mông hùng vĩ trở thành ng-ê @ảng hụnh vĩ ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.
- + Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.
- + Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: *núi giăng...lũ sắt, rừng che, rừng vây...*
- + Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: *Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao Lạng...* vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.
- Việt Bắc chiến thắng:
- + Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hùng hực trào sôi. Sức mạnh của quân ta làm rung chuyển cả trời đất. Các từ: *Rầm rập, điệp điệp, trùng trùng...*
- + Hình ảnh người chiến sĩ được gọi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: “*nh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan*” -> ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.
- + Hình ảnh đoàn dân công: sức mạnh của quần chúng nhân dân thật hùng vĩ. Thành ngữ “*Chân cứng đá mềm*” đã được nâng lên thành một bước cao hơn “*Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay*”.
- + Chiến công tung bùng vang dội khắp nơi: Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng... Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: *Vui từ...vui về...vui lên...*
- + Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: *ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha...* như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.
- + Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, âm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng.

##### b. Từ câu 75- câu 83:

Đoạn thơ phác họa hình ảnh giản dị mà trang trọng của một cuộc họp Chính phủ trong hang núi mà vẫn rực rỡ dưới ánh cờ đỏ sao vàng trong nắng trưa và kết thúc bằng sự thâu tóm hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, nơi đặt niềm tin tưởng và hy vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn “u ám quân thù”.

#### 4. Chủ đề:

Bài thơ khẳng định nghĩa tình cách mạng, nhắc nhở sự thủy chung của con người đối với con người và đối với quá khứ, cách mạng nói chung.

#### \* ĐỀ BÀI VÀ GỢI Ý

##### **Câu 1: Anh/ chị hãy phân tích đoạn thơ sau:**

*Ta về mình có nhớ ta*

*.... Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*

**GOI Ý a.** *Đoạn này được xem là đặc sắc nhất Việt Bắc. 10 câu lục bát thu gọn cả sắc màu 4 mùa, cả âm thanh cuộc sống, cả thiên nhiên con người Việt Bắc.*

Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Tố Hữu lựa chọn thật đắt hình ảnh đối xứng : hoa - người. Hoa là vẻ đẹp tinh túy nhất của thiên nhiên, kết tinh từ hương đất sắc trời, tương xứng với con người là hoa của đất. Bởi vậy đoạn thơ đư-ợc cấu tạo: câu lục nói đến thiên nhiên, câu bát nói tới con người. Nói đến hoa hiện hiện hình người, nói đến người lại lấp lóa bóng hoa. Vẻ đẹp của thiên nhiên và con người hòa quyện với nhau tỏa sáng bức tranh thơ. Bốn cặp lục bát tạo thành bộ tứ bình

đặc sắc.

**b. Trước hết đó là nỗi nhớ mùa đông Việt Bắc - cái mùa đông thuở gặp gỡ ban đầu, đến hôm nay vẫn sáng bừng trong kí ức.**

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Câu thơ truyền thẳng đến người đọc cảm nhận về một màu xanh lặng lẽ, trầm tĩnh của rừng già. Cái màu xanh ngăn ngắt đầy sức sống ngay giữa mùa đông tháng giá. Cái màu xanh chứa chất bao sức mạnh bí ẩn “Nơi thiêng liêng rừng núi hóa anh hùng”. Màu xanh núi rừng Việt Bắc:

Rừng giăng thành lũy thép dày

Rừng che bộ đội rừng vây quân thù.

Trên cái nền xanh ấy nở bừng bông hoa chuối đỏ tươi, thấp sáng cả cánh rừng đại ngàn làm ấm cả không gian, ấm cả lòng người. Hai chữ “đỏ tươi” không chỉ là từ ngữ chỉ sắc màu, mà chứa đựng cả một sự bừng thức, một khám phá ngỡ ngàng, một rung động rất thi nhân. Có thể thấy cái màu đỏ trong câu thơ Tố Hữu như điểm sáng hội tụ sức mạnh tiềm tàng chốn rừng xanh đại ngàn, lấp lóa một niềm tin rất thật, rất đẹp. Trên cái phong nền hùng vĩ và thơ mộng ấy, hình ảnh con người xuất hiện thật vững trãi, tự tin. Đó là vẻ đẹp của con người làm chủ núi rừng, đứng trên đỉnh trời cùng tỏa sáng với thiên nhiên, “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”.

**c. Cùng với sự chuyển mùa (mùa đông sang mùa xuân) là sự chuyển màu trong bức tranh thơ:** Màu xanh trầm tĩnh của rừng già chuyển sang màu trắng tinh khôi của hoa mơ khi mùa xuân đến. Cả không gian sáng bừng lên sắc trắng của rừng mơ lúc sang xuân.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng.

Trắng cả không gian “trắng rừng”, trắng cả thời gian “ngày xuân”. Hình ảnh này khá quen thuộc trong thơ Tố Hữu, hình ảnh rừng mơ sắc trắng cũng đi vào trường ca Theo chân Bác gọi tả mùa xuân rất đặc trưng của Việt Bắc:

Ôi sáng xuân nay xuân 41

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ.

Cái sắc trắng tinh khôi bừng nở mỗi độ xuân về làm ngỡ ngàng người ở, thần thờ kẻ đi. Người đi không thể không nhớ sắc trắng hoa mơ nơi xuân rừng Việt Bắc, và lại càng không thể không nhớ đến con người Việt Bắc, cần cù uyển chuyển trong vũ điệu nhịp nhàng của công việc lao động thầm lặng mà cần mẫn tài hoa:

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

"Hai chữ “chuốt từng” gọi lên đáng vẻ cần trọng tài hoa, dường như bao yêu thương đợi chờ mong ngóng đã gửi vào từng sợi nhớ, sợi thương kết nên vành nón. Cảnh thì mơ mộng, tình thì đơm bông. Hai câu thơ lưu giữ lại cả khí xuân, sắc xuân, tình xuân vậy. Tài tình như thế thật hiếm thấy.

**d. Bức tranh thơ thứ 3 chuyển qua rừng phách - một loại cây rất thường gặp ở Việt Bắc hơn bất cứ nơi đâu. Chọn phách cho cảnh hè là sự lựa chọn đặc sắc, bởi trong rừng phách nghe tiếng ve ran, ngắm sắc phấn vàng giữa những hàng cây cao vút, ta như cảm thấy sự hiện diện rõ rệt của mùa hè.** Thơ viết mùa hè hay xưa nay hiếm, nên ta càng thêm quý câu thơ của Tố Hữu:

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

Ở đây có sự chuyển đổi cảm giác rất thú vị: Tiếng ve kêu ấn tượng của thính giác đã đem lại ấn tượng thị giác thật mạnh. Sự chuyển mùa được biểu hiện qua sự chuyển màu trên thảo mộc cỏ cây: Những ngày cuối xuân, cả rừng phách còn là màu xanh, những nụ hoa còn náu kín trong kẽ lá, khi tiếng ve đầu tiên của mùa hè cất lên, những nụ hoa nhất tề đồng loạt trở bông, đồng loạt tung phấn, cả rừng phách lai láng sắc vàng. Chữ đổ được dùng thật chính xác, tinh tế. Nó vừa gọi sự biến chuyển mau lẹ của sắc màu, vừa diễn tả tài tình từng đợt mưa hoa rừng phách khi có ngọn gió thoảng qua, vừa thể hiện chính xác khoảng khắc hè sang. Tác giả sử dụng nghệ thuật âm thanh để gợi dậy màu sắc, dùng không gian để miêu tả thời gian. Bởi vậy cảnh thực mà vô cùng huyền ảo. Trên nền cảnh ấy, hình ảnh cô em gái hiện lên xiết bao thơ mộng, lãng mạn: “Cô em gái hái măng một mình” nghe ngọt ngào thân thương triu mến. Nhớ về em, là nhớ cả một không gian đầy hương sắc. Người em gái trong công việc lao động hàng ngày giản dị: hái măng. Vẻ đẹp lãng mạn thơ mộng ấy còn được tô đậm ở hai chữ “một mình” nghe cứ xao xuyến lạ, như bộc lộ thâm kín niềm mến thương của tác giả. Nhớ về em, nhớ về một mùa hoa...

**e. Khép lại bộ tứ bình là cảnh mùa thu.** Đây là cảnh đêm thật phù hợp với khúc hát giao duyên trong thời điểm chia tay già bạn. Hình ảnh ánh trăng dọi qua kẽ lá dẹt lên mặt đất một thảm hoa trắng lung linh huyền ảo. Dưới ánh trăng thu, tiếng hát ân tình càng làm cho cảnh thêm ấm áp tình người. Đại từ phiếm chỉ “ai” đã gộp chung người hát đối đáp với mình làm một, tạo một hòa âm tâm hồn đầy băng khuâng lưu luyến giữa kẻ ở, người đi, giữa con người và thiên nhiên.

g. Mỗi câu lục bát làm thành một bức tranh trong bộ tứ bình. Mỗi bức tranh có vẻ đẹp riêng hòa kết bên nhau tạo vẻ đẹp chung. Đó là sự hài hòa giữa âm thanh, màu sắc...

Tiếng ve của mùa hè, tiếng hát của đêm thu, màu xanh của rừng già, sắc đỏ của hoa chuối, trắng tinh khôi của rừng mơ, vàng ửng của hoa phách... Trên cái nền thiên nhiên ấy, hình ảnh con người hiện lên thật bình dị, thơ mộng trong công việc lao động hàng ngày.

**Câu 2: Bình giảng đoạn thơ sau trong bài "Việt Bắc" của Tố Hữu:**

... "Mình đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù  
Mình về có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai  
Mình về, rừng núi nhớ ai  
Trám bùi để rụng, măng mai để già  
Mình đi có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son"...

**GOI Ý:**

Sau hơn ba ngàn ngày khói lửa, thủ đô Hà Nội và miền Bắc hoàn toàn giải phóng (10-1954). Bài thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu ra đời trong bối cảnh lịch sử hào hùng và vẻ vang ấy. Mang tầm vóc một trường ca, với 150 câu thơ lục bát, bài thơ ca ngợi mối tình Việt Bắc, những kỉ niệm sâu sắc cảm động của người cán bộ kháng chiến đối với Việt Bắc với bao ân tình thủy chung "mười năm năm ấy thiết tha mặn nồng".

Phần mở đầu bài "Việt Bắc" gồm có 20 câu thơ, là lời đưa tiễn của kẻ ở lại đối với người về, của "ta" đối với "mình". Đoạn thơ 8 câu dưới đây (từ câu 9 đến câu 16) nằm trong phần mở đầu bài thơ "Việt Bắc":

... "Mình đi, có nhớ những ngày

.....

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son"...

Đoạn thơ đầy ắp kỉ niệm về Việt Bắc, "Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa", mà "ta" hỏi "mình đi, có nhớ". Hai chủ thể trữ tình, một là người ở lại, là đồng bào Việt Bắc, là cô gái Việt Bắc, đang hát lời tiễn đưa "tha thiết bên cồn". "Mình" cũng là một chủ thể trữ tình phiếm chỉ, ước lệ, cùng với "ta" tạo nên một cặp nhân vật trong giao duyên, đưa tiễn, ở đây là người cán bộ kháng chiến về xuôi, trong đó có nhà thơ. Mỗi cặp lục bát nhắc lại một kỉ niệm về Việt Bắc. Những chi tiết nghệ thuật vừa cụ thể, vừa mang ý nghĩa tượng trưng giàu sắc thái biểu cảm.

1. Các câu lục trong đoạn thơ là những câu hỏi tu từ nối tiếp xuất hiện, như nhắc nhở, như gọi nhớ gọi thương: "Mình đi, có nhớ những ngày"..., "Mình về, có nhớ chiến khu"..., "Mình về, rừng núi nhớ ai"..., "Mình đi, có nhớ những nhà"... Điệp ngữ "có nhớ" làm cho cảm xúc thơ lắng đọng, giọng thơ trở nên tha thiết bồn chồn, ngọt ngào sâu lắng. Hai tiếng "mình đi" và "mình về" được luân phiên giao hoán, chuyển đổi, một cách diễn đạt biến hóa, sinh động, có giá trị gọi lên cảnh tiễn đưa nhiều băng khuâng, hình ảnh người cán bộ kháng chiến về xuôi mỗi lúc một đi xa dần, nhưng trong lòng vẫn mang theo tiếng hát và nỗi nhớ.

2. Các câu bát trong đoạn thơ đều được tạo thành 2 vế tiểu đối 4/4 cân xứng hài hòa. Những kỉ niệm sâu sắc chứa chan ân tình ân nghĩa đối với kẻ ở, người về được nhắc lại gọi lên bao nỗi niềm "băng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi"...

Mình đi, có nhớ "Mưa nguồn suối lũ // những mây cùng mù"? Cảnh mưa trắng nguồn, lũ ngập đầy suối, mây mù bao phủ núi rừng... là sự khắc nghiệt của thời tiết, của thiên nhiên Việt Bắc. Mưa, lũ, mây, mù còn mang ý nghĩa tượng trưng cho những gian khổ, thử thách mà quân và dân ta phải trải qua trong những năm dài máu lửa.

Mình về, có nhớ "Miếng cơm chấm muối // mối thù nặng vai"? Tố Hữu đã lấy cái cụ thể "Miếng cơm chấm muối" để nói lên cái trừu tượng: gian khổ thiếu thốn. "Mối thù nặng vai" cũng là một hình ảnh cụ thể biểu cảm. Mối thù đối với quân xâm lược đè nặng đôi vai, luôn luôn nhắc nhở nuôi dưỡng ý chí chiến đấu để giải phóng đất nước, giành lại tự do, hòa bình cho nhân dân. Không bao giờ có thể quên "mối thù nặng vai" ấy.

Hỏi núi rừng "nhớ ai", cũng là hỏi "mình về, có nhớ". Nghệ thuật nhân hóa và đại từ "ai" phiếm chỉ gọi lên bao man mác băng khuâng:

"Mình về, rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng // măng mai để già".

Trám bùi, măng mai là nguồn lương thực vô tận của núi rừng Việt Bắc để nuôi bộ đội đánh giặc trong những tháng ngày gian khổ. Hương vị núi rừng ấy tượng trưng cho mối tình Việt Bắc sâu nặng ân nghĩa. Các từ ngữ: "để rụng", "để già" thoáng chút buồn, cô đơn, thương nhớ.

Kỉ niệm thứ tư, ta hỏi "mình đi, có nhớ":

"Mình đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám // đậm đà lòng son".

Hai câu thơ có hình ảnh tượng trưng và tương phản đặc sắc. "Những nhà" được nhà thơ nói đến là tất cả đồng bào các dân tộc Việt Bắc. "Hắt hiu lau xám" là cảnh hoang vu hoang vắng của núi rừng, biểu tượng cho sự nghèo đói, thiếu thốn vật chất. Tương phản với "hắt hiu lau xám" là "đậm đà lòng son", một hình ảnh ẩn dụ rất đẹp ca ngợi tâm lòng son sắt thủy chung. Câu thơ "Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son" là một câu thơ hay và đẹp. Đẹp ở hình tượng và hay vì giàu sắc thái biểu cảm. Qua thủ pháp tương phản, Tố Hữu ca ngợi đồng bào Việt Bắc tuy còn nghèo khổ, thiếu thốn nhưng giàu tình yêu nước, gắn bó thủy chung với cách mạng và kháng chiến.

3. Cùng với chữ "ta", chữ "mình" xuất hiện với tần số cao trong bài "Việt Bắc" cũng như trong đoạn thơ này, đã tạo nên sắc điệu trữ tình thấm thiết, đậm đà tính dân tộc. Tố Hữu đã vận dụng cách nói và cách thể hiện tình cảm của dân gian trong ca dao, dân ca một cách sáng tạo. Tình cảm cách mạng và kháng chiến, tình Việt Bắc, tình lưu luyến của lứa đôi, của kẻ ở người về được diễn tả qua hai tiếng "mình - ta" ấy.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Tố Hữu đã sống và hoạt động tại Việt Bắc, đã cùng đồng chí, đồng bào, bộ đội trải qua những tháng ngày gian khổ mà hào hùng, vinh quang. Lời đưa tiễn thiết tha, sâu lắng, bồi hồi trong lòng kẻ ở người về. Cảm xúc ấy là tiếng lòng của "mình - ta" cũng là tiếng lòng của nhà thơ.

"Thơ là tiếng lòng trang trải". "Việt Bắc" là tiếng lòng trang trải của người cán bộ kháng chiến với bao "ân tình thủy chung".